

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 159/2023/HS-ST.

Ngày: 26-7-2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Xuyên.

2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2023/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXXST-HS ngày 14/7/2023 đối với bị cáo:

Lê Quang Minh T, sinh ngày 13/3/2003, tại Q.

HKTT: thôn Q1, xã T1, huyện B, tỉnh Q; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Quang Minh C, sinh năm 1975 và bà Đình Thị H, sinh năm 1980; Bị cáo là con út trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Trong năm 2019, bị cáo có 02 hành vi “Trộm cắp tài sản” đều bị Công an xã T1, huyện B, tỉnh Q bắt và ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng và số tiền 750.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2020, đến ngày 15/4/2020 được hủy bỏ tạm giữ. Đến ngày 12/5/2023, bị cáo ra đầu thú theo Quyết định truy nã số 15/QĐ-CQĐT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nhơn Trạch. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị hại:** Ông Phạm Văn M, sinh năm 1967.

HKTT: Ấp M1, xã M2, huyện H1, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đ.

(Bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ 00 phút ngày 06/4/2020, Lê Quang Minh T, đi bộ một mình đến Miếu Ô thuộc ấp 2, xã L, huyện N thì thấy anh Phạm Văn M dựng chiếc xe hiệu Honda, loại Vision biển số: 68D1 – 301-84 nằm ngủ trên nền gạch trong Miếu, T thấy anh M để sẵn chìa khóa trên xe nên nảy sinh ý định trộm cắp xe của anh M bán lấy tiền tiêu xài. T đi bộ đến mở cốp xe của anh M lấy 01 ví da màu nâu bên trong có 01 giấy đăng ký xe; số tiền 300.000 đồng cùng một số giấy tờ tùy thân của anh M. T lấy giấy đăng ký xe và điều khiển xe của anh M chạy đến khu vực siêu thị Big C thuộc Khu phố 1, phường L1, thành phố B1, tỉnh Đ tìm người để bán thì bị anh Trần Văn S nghi ngờ chiếc xe do T bán là do trộm cắp mà có nên đã bắt giữ T đưa về trụ sở công an phường L1 làm rõ nguồn gốc chiếc xe và báo Công an huyện Nhơn Trạch đến bắt giữ Trung điều tra xử lý theo thẩm quyền.

* Tại bản kết luận định giá số: 95/KLĐG-HĐĐG ngày 09/4/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự kết luận 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, biển số: 68D – 301.84. Giá trị sử dụng còn lại 60% có trị giá là: 20.400.000 đồng.

* Vật chứng vụ án: 01 (một) chiếc xe hiệu Honda, loại Vision biển số: 68D1 – 301-84.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, cũng như tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai bị hại cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 167/CT-VKS-NT ngày 07/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo Lê Quang Minh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có quan điểm giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo vì nhận thấy bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại do tài sản đã được thu hồi trả lại bị hại; bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trung mức án tù 08 tháng tù đến 10 tháng tù giam.

- Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc xe hiệu Honda, loại Vision biển số: 68D1 – 301-84 đã thu hồi và được Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng; bị cáo không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên có ý kiến tuy bị hại không có mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai ý kiến được thu thập tại hồ sơ vụ án, nên sự vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Hơn nữa, xét thấy hồ sơ thể hiện tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi và được Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại. Bị hại nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vào lúc 01 giờ 00 phút ngày 06/4/2020, Lê Quang Minh T có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision biển số: 68D1 – 301-84, trị giá 20.400.000 đồng của anh Phạm Văn M tại ấp 2, xã L, huyện N thì bị phát hiện xử lý.

Bản thân bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và tội phạm đã hoàn thành. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Quang Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện hành vi, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ mục đích cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đồng thời, bị cáo không có tiền án, tiền sự, đã đầu thú; khi thực hiện hành vi vi phạm, bị cáo là người chưa thành niên dưới 18 tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2017). Không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 nêu trên theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, bởi lẽ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo gây thiệt hại cho bị hại khi chuyển dịch tài sản thuộc sở hữu bị hại khỏi sự quản lý của bị hại. Sau đó, do bị phát hiện và Cơ quan điều tra Công an huyện Nhơn Trạch đã thu hồi trả cho bị hại.

Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bên cạnh việc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật của Nhà nước, giảm gánh nặng cho xã hội.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để bị cáo nhận thức, cải tạo, giáo dục trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội, bên cạnh sự răn đe và phòng ngừa chung của chính sách pháp luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Vấn đề khác: Ghi nhận tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) chiếc xe hiệu Honda, loại Vision biển số: 68D1 – 301-84 đã thu hồi và được Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Lê Quang Minh T** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Lê Quang Minh T** mức án **06 (sáu) tháng tù giam**.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2023, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 04/4/2020 đến ngày 15/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo **Lê Quang Minh T** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Nhơn Trạch;
- Công an H. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS H. Nhơn Trạch;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hường